

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2253**/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **13** tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3172/TTr-SXD ngày 30 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 09 danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành và 09 danh mục TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế (Có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh có trách nhiệm cập nhật TTHC vào Hệ thống thông tin TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC này.



2. Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh có trách nhiệm thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các TTHC đã được ban hành kèm theo Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng tại đơn vị và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

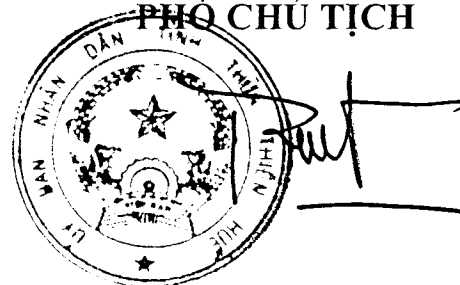
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế các TTHC tại Mục II của Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh về việc công bố bộ TTHC được chuẩn hóa trong lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC TIỀN QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VÀ BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ, CÔNG NGHIỆP TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2253/QĐ-UBND** ngày **13** tháng **9** năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)


1. Danh mục TTTC mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTTC)	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009994)	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	100.000 đồng/ giấy phép	- Cấp huyện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua DVC trực tuyến. Địa chỉ: Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia. - Cấp tỉnh: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua DVC trực tuyến. Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế hoặc qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 77/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	- UBND huyện, thị xã, thành phố; - Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.
2.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	100.000 đồng/ giấy phép			- UBND huyện, thị xã, thành phố; - Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

	trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009995)			quốc gia.		
3.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009996)	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	100.000 đồng/ giấy phép			- UBND huyện, thị xã, thành phố; - Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.
4.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009997)	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	100.000 đồng/ giấy phép	- Cấp huyện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua DVC trực tuyến. Địa chỉ: Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia. - Cấp tỉnh: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua DVC trực tuyến.	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 77/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 quy định mức thu, nộp lệ	- UBND huyện, thị xã, thành phố; - Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.
5.	Gian hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	100.000 đồng/ giấy phép			- UBND huyện, thị xã, thành phố;

	/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009998)			Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế hoặc qua Công DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Công DVC quốc gia.	phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.
6.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009999)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	100.000 đồng/ giấy phép			- UBND huyện, thị xã, thành phố; - Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.
7.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp) (1.009992)	- Dự án nhóm B không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua DVC trực tuyến. Địa chỉ: Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc qua Công DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Công DVC quốc gia.	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội	UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế

					dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	
8.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp) (1.009993)	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại. 	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua DVC trực tuyến. Địa chỉ: Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. 	UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế
9.	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (1.009794)	20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp huyện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua DVC trực tuyến. Địa chỉ: Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia. - Cấp tỉnh: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua DVC trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Quyết định 61/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND huyện, thị xã, thành phố; - Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

			Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế hoặc qua Công DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Công DVC quốc gia.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
--	--	--	--	---

* Ghi chú:

- TTHC số 5 và số 6 áp dụng quy trình 4 tại chỗ;
- TTHC số 1, 2, 3 cắt giảm thời gian thực hiện từ 20 ngày còn 12 ngày (giảm 08 ngày).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã số TTHC thay thế còn hiệu lực	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC) bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định công bố của tỉnh Thừa Thiên Huế
I	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng			
1.	1.009994	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình (gồm công trình xây dựng không theo tuyến, công trình xây dựng theo tuyến trong đô thị, công trình tôn giáo, dự án, nhà ở riêng lẻ) (1.007262)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. 	Bãi bỏ TTHC số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh về việc công bố bộ TTHC được chuẩn hóa trong lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
2.	1.009995	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình (1.007266)		
3.	1.009996	Cấp giấy phép di dời công trình (1.007285)		
4.	1.009997	Điều chỉnh giấy phép xây dựng (1.007286)		
5.	1.009998	Gia hạn giấy phép xây dựng (1.007287)		

STT	Mã số TTHC thay thế còn hiệu lực	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC) bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định công bố của tỉnh Thừa Thiên Huế
6.	1.009999	Cấp lại giấy phép xây dựng (1.007288)		
7.		Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD) (1.007254)		
8.	1.009992	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) (1.007255)	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP	
9.	1.009993	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) (1.007257)	ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	